

**Phụ lục 02**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 – 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

**I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN:**

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
1	Luật	76/2015/QH13 19/6/2015 Luật Tổ chức Chính phủ	Khoản 3, khoản 4 Điều 23; điểm b, điểm đ khoản 2, khoản 10 Điều 28; khoản 5, khoản 8, khoản 9 Điều 34; khoản 2 Điều 40; thay thế cụm từ “bất thường” bằng cụm từ “chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” tại khoản 1 Điều 44.	Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần: Điều 1 Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	01/7/2020
2	Luật	77/2015/QH13 19/6/2015 Luật Tổ chức chính quyền địa phương	Khoản 1 Điều 4; khoản 3 Điều 6; điểm e khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 13; khoản 1, khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 18; khoản 1, khoản 2 Điều 25; khoản 1, khoản 2 Điều 32, khoản 4 Điều 33; Điều 34; khoản 1, khoản 2 Điều 39; Điều 44; khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 53; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 60; khoản 3 Điều 61; Điều 62; khoản 2 Điều 67; khoản 3 Điều 68; Điều 69; khoản 2, khoản 3 Điều 72; Điều 75; khoản 2 Điều 83; khoản 1 Điều 94; khoản 1 Điều 101; Điều 127; khoản 1 Điều 128; thay thế cụm từ “bất thường” bằng cụm	Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần: Điều 2 Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	01/7/2020

			từ “chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 78, khoản 2 và khoản 3 Điều 80, khoản 1 và khoản 3 Điều 97, khoản 2 Điều 113, khoản 4 Điều 114; Bỏ cụm từ “, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 19; bỏ cụm từ “Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;” tại điểm a khoản 1 Điều 88; bãi bỏ khoản 4 Điều 9		
3	Luật	22/2008/QH12 Luật Cán bộ, công chức	Khoản 2 Điều 4; Điều 6; Điều 29; khoản 1 Điều 34; Điều 37, Điều 39; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 56; Điều 58; điểm a khoản 3 Điều 61; khoản 3 Điều 78; Điều 79; Điều 80; khoản 2, khoản 3 Điều 82; Điều 84; Điều 85; thay thế từ “phân loại” bằng cụm từ “xếp loại chất lượng” tại khoản 4 Điều 5 và Điều 64; Thay thế cụm từ “Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân” bằng cụm từ “Luật tổ chức chính quyền địa phương” tại khoản 2 Điều 21, Điều 24 và khoản 1 Điều 63; thay thế cụm từ “Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân” bằng cụm từ “Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân” tại Điều 24; thay thế cụm từ “Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân” bằng cụm từ “Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân” tại khoản 1 Điều 63; thay thế cụm từ “sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp” bằng cụm từ “sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an” tại điểm d khoản 1 Điều 32; thay thế cụm từ “đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục” bằng cụm từ “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào	Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần: Điều 1 Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức	01/7/2020

			<p>ơ sở giáo dục bắt buộc” tại điểm c khoản 2 Điều 36; bỏ cụm từ “các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số,” tại khoản 2 Điều 63; bỏ cụm từ “, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước” tại khoản 4 Điều 66; bỏ cụm từ “, đơn vị sự nghiệp công lập của Ủy ban nhân dân” tại khoản 5 Điều 66; bỏ cụm từ “và đơn vị sự nghiệp công lập” tại khoản 6 Điều 66; bỏ cụm từ “đơn vị sự nghiệp công lập,” tại khoản 1 Điều 70; bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 32.</p>		
4	Luật	58/2010/QH12 Luật Viên chức	<p>Khoản 3 Điều 9; Điều 25; khoản 2 Điều 28;; Điều 41; khoản 1 Điều 45; Điều 53; khoản 2, khoản 3 Điều 56; khoản 1 Điều 58; Điều 60; thay thế cụm từ “đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng” bằng cụm từ “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng” tại điểm b khoản 2 Điều 22; thay thế cụm từ “phân loại đánh giá” bằng cụm từ “xếp loại chất lượng” tại điểm a khoản 1 Điều 29; thay thế cụm từ “phân loại đánh giá” và từ “phân loại” bằng cụm từ “xếp loại chất lượng” tại Điều 42; thay thế từ “phân loại” bằng cụm từ “xếp loại chất lượng” tại Điều 44; bỏ cụm từ “nhưng không phải là công chức” tại khoản 1 Điều 3; bỏ cụm từ “được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm giữ chức vụ được pháp luật quy định là công chức tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc” tại khoản 5 Điều 28.</p>	<p>Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một phần: Điều 2 Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức</p>	01/7/2020
5	Nghị định	35/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005 của Chính phủ về	<p>Nội dung liên quan đến xử lý kỷ luật cán bộ</p>	<p>Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 44 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP</p>	20/9/2020

		việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.		ngày 18/9/2020 về xử lý cán bộ, công chức, viên chức	
6	Nghị định	06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức	Điều 11. Công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập	Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 78 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	01/12/2020
7	Nghị định	112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể;</li> <li>- Điều 8. Ưu tiên trong tuyển dụng; Điều 10. Hội đồng tuyển dụng; - Điều 11. Các môn thi và hình thức thi,</li> <li>- Điều 12. Cách tính điểm;</li> <li>- Điều 13. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển;</li> <li>- Điều 14. Nội dung xét tuyển;</li> <li>- Điều 15. Cách tính điểm;</li> <li>- Điều 16. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức;</li> <li>- Điều 17. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ dự tuyển;</li> <li>- Điều 18. Tổ chức tuyển dụng;</li> <li>- Điều 19. Thông báo kết quả tuyển dụng</li> <li>- Điều 20. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc;</li> <li>- Điều 21. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng.</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	25/6/2019
8	Nghị định	112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn	Chương 6. Xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã	Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 44 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý cán bộ, công chức, viên chức	20/9/2020

9	Nghị định	27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức	Chương II Xử lý kỷ luật viên chức được quy định	Nội dung bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 44 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý cán bộ, công chức, viên chức	20/9/2020
10	Nghị định	29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã</li> <li>- Điều 5. Xếp lương</li> <li>- Điều 9. Phụ cấp theo loại xã</li> <li>- Điều 10. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh</li> <li>- Điều 13. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã</li> <li>- Điều 14. Phụ cấp và khoán kinh phí đối với những người hoạt động không chuyên trách</li> <li>- Điều 15. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.</li> <li>- Điều 16. Giải quyết tồn tại</li> <li>- Điều 17. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách</li> <li>- Điều 18. Trách nhiệm thi hành</li> <li>- Điều 19. Hiệu lực thi hành</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ được quy định tại Điều 2, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố	25/6/2019
11	Nghị định	24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của sở</li> <li>- Điều 5. Cơ cấu tổ chức của sở</li> <li>- Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở</li> </ul>	Các Điều này được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một	25/11/2020

		chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 8. Các sở được tổ chức thống nhất ở các địa phương</li> <li>- Điều 9. Các sở đặc thù được tổ chức ở một số địa phương</li> <li>- Điều 10. Bộ trưởng Bộ Nội vụ</li> <li>- Điều 11. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ</li> <li>- Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> <li>- Điều 13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> </ul>	số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
12	Nghị định	53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức	Điều 1. Sửa đổi điểm a và bổ sung điểm l khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức	Nội dung được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định số 104/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức.	04/9/2020
13	Nghị định	37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn</li> <li>- Điều 5. Người đứng đầu</li> <li>- Điều 6. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Trưởng phòng</li> <li>- Điều 7. Các cơ quan chuyên môn được tổ chức thống nhất ở các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</li> <li>- Điều 8. Các cơ quan chuyên môn được tổ chức để phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính cấp huyện</li> <li>- Điều 9. Tổ chức các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo</li> <li>- Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> </ul>	Các điều này được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	25/11/2020

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 11. Ủy ban nhân dân cấp huyện</li> <li>- Điều 12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện</li> </ul>		
14	Nghị định	<p>16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 6: Tự chủ về tổ chức bộ máy</li> <li>- Điều 7: Tự chủ về nhân sự</li> <li>- Điều 8: Hội đồng quản lý</li> </ul>	<p>Điều 6, Điều 8 được bãi bỏ tại Điều 29 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <p>Điều 7 được bãi bỏ tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>01/12/2020</p> <p>15/11/2020</p>
15	Nghị định	<p>123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 13. Về tổ chức bộ máy, biên chế công chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập</li> <li>- Điều 14. Về cán bộ, công chức, viên chức</li> <li>- Điều 18. Vụ thuộc Bộ</li> <li>- Điều 19. Văn phòng thuộc Bộ</li> <li>- Điều 20. Thanh tra thuộc Bộ</li> <li>- Điều 21. Cục thuộc Bộ</li> <li>- Điều 22. Tổng cục thuộc Bộ</li> <li>- Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp</li> </ul>	<p>- Các Điều được sửa đổi tại Điều 1 Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.</p> <p>- Riêng khoản 1, khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày</p>	<p>15/11/2020</p>

				07/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính	25/9/2017
16	Nghị định	108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 8. Chính sách về hưu trước tuổi</li> <li>- Điều 9. Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước</li> <li>- Điều 10. Chính sách thôi việc</li> <li>- Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện tinh giản biên chế</li> <li>- Điều 14. Trình tự thực hiện tinh giản biên chế</li> <li>- Điều 24. Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2015. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.</li> </ul>	Các Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, 3, 4, 5, 7, 8 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế.	10/12/2020  Các khoản 2, 3, 4 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 8, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021
17	Nghị định	113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 1 (Các trường hợp tinh giản biên chế).</li> <li>- Khoản 6 Điều 1 (Chính sách về hưu trước tuổi)</li> <li>- Khoản 7 Điều 1 (Chính sách về hưu trước tuổi)</li> <li>- Khoản 10 Điều 1 (Trình tự thực hiện tinh giản biên chế)</li> </ul>	Các Điều này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều	10/12/2020



				của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.	
18	Nghị định	161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức</li> <li>- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức</li> </ul>	<p>Điều 1 được bãi bỏ tại điểm a khoản 4 Điều 78 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.</p> <p>Điều 2 được bãi bỏ tại điểm b khoản 3 Điều 67 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 29/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức</p>	<p>01/12/2020</p> <p>29/9/2020</p>
19	Nghị định	12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 17 : Cán bộ quản lý thanh niên xung phong</li> <li>- Điều 16. Chính sách đối với đội viên thanh niên xung phong</li> <li>- Điều 17. Chính sách đối với đội viên thanh niên xung phong làm nhiệm vụ ở vùng khó khăn</li> <li>- Điều 18. Chính sách đối với cán bộ làm công tác quản lý thanh niên xung phong</li> </ul>	Được bãi bỏ tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện.	09/3/2021
20	Nghị định	101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</li> <li>- Điều 15. Hình thức bồi dưỡng</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày	10/12/2021

		<p>tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 16. Nội dung bồi dưỡng</li> <li>- Điều 17. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng</li> <li>- Điều 18. Áp dụng chương trình bồi dưỡng</li> <li>- Điều 19. Quản lý chương trình bồi dưỡng</li> <li>- Điều 20. Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng</li> <li>- Điều 21. Thẩm định, phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng</li> <li>- Điều 26. Chứng chỉ bồi dưỡng</li> <li>- Điều 26. Chứng chỉ bồi dưỡng</li> <li>- Điều 27. Phân công tổ chức bồi dưỡng</li> <li>- Điều 36. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng</li> </ul>	<p>18/10/2021 số sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.</p>	
21	Nghị định	<p>08/2016/NĐ-CP 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ khoản 2 Điều 1: Số lượng thành viên Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt thực hiện theo quy định của Quốc hội khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt</li> <li>- Điều 7. Số lượng tối đa Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở các đơn vị hành chính</li> <li>- Điều 11. Bầu thành viên Ủy ban nhân dân</li> <li>- Điều 12. Thẩm định và phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân</li> <li>- Điều 14. Thẩm định và phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân</li> </ul>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.</p>	16/12/2021
22	Nghị định	<p>141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2023 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giáo dục đại học</p>	<p>Điều 9. Kéo dài thời gian làm việc đối với giảng viên đủ tuổi nghỉ hưu</p>	<p>Được bãi bỏ tại điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 50/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	15/8/2022

23	Nghị định	Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.	Điều 9. Kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu.	Được bãi bỏ tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 50/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.	15/8/2022
24	Nghị định	161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp	Nội dung được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.	22/02/2023
25	Nghị định	54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 2: Giải thích từ ngữ</li> <li>- Điều 4: Điều 4. Nguyên tắc lập danh sách cử tri để phát phiếu lấy ý kiến</li> <li>- Điều 11. Thời gian lấy ý kiến.</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16	25/8/2023

		vị hành chính.		tháng 4 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính	
26	Nghị định	90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ cụm từ “trong quá trình thực thi nhiệm vụ” tại khoản 5 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2 Điều 15.</li> <li>- Điều 22. Lưu giữ tài liệu đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.</li> <li>- Điều 23. Tổ chức thực hiện</li> </ul>	Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.	15/9/2023
27	Nghị định	112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</li> <li>- Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật</li> <li>- Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật</li> <li>- Điều 5. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật</li> <li>- Điều 6. Các hành vi bị xử lý kỷ luật</li> <li>- Điều 8. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với cán bộ, công chức</li> <li>- Điều 16. Áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đối với viên chức.</li> <li>- Điều 20. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với cán bộ.</li> <li>- Điều 21. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với cán bộ</li> <li>- Điều 24. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức</li> <li>- Điều 25. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức</li> <li>- Điều 26. Tổ chức họp kiểm điểm công chức</li> </ul>	Nội dung được bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	20/9/2023

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bãi bỏ khoản 3 Điều 27. Các trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật</li> <li>- Điều 28. Thành phần Hội đồng kỷ luật công chức</li> <li>- Điều 29. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật công chức có hành vi vi phạm.</li> <li>- Điều 30. Quyết định kỷ luật công chức</li> <li>- Điều 31. Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với viên chức</li> <li>- Điều 32. Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với viên chức</li> <li>- Điều 35. Thành phần Hội đồng kỷ luật viên chức</li> <li>- Điều 36. Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật viên chức</li> <li>- Điều 37. Quyết định kỷ luật viên chức</li> <li>- Điều 41. Chế độ, chính sách đối với trường hợp đang trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc tạm đình chỉ chức vụ</li> </ul>		
28	Nghị định	115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 4. Căn cứ tuyển dụng viên chức.</li> <li>- Khoản 1 Điều 6. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức.</li> <li>- Điểm d khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 8. Hội đồng tuyển dụng viên chức</li> <li>- Điều 9. Hình thức, nội dung và thời gian thi.</li> <li>- Điều 10. Xác định người trngs tuyển trong kỳ thi viên chức.</li> <li>- Điều 11. Nội dung, hình thức xét tuyển viên chức.</li> <li>- Điều 13. Tiếp nhận vào viên chức.</li> <li>- Điều 14. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển</li> <li>- Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 15. Trình tự tổ chức tuyển dụng</li> <li>- Khoản 1 Điều 17. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.</li> <li>- Khoản 4 Điều 18. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc.</li> </ul>	Nội dung được bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.	07/12/2023

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 5 Điều 21. Chế độ tập sự.</li> <li>- Khoản 1 Điều 23. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự.</li> <li>- Khoản 1 Điều 25. Chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự.</li> <li>- Điều 27. Biệt phái viên chức</li> <li>- Điều 32. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.</li> <li>- Điều 33. Phân công , phân cấp tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức của đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>- Khoản 3 Điều 36. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.</li> <li>- Điều 39. Nội dung, hình thức xét thăng hạng.</li> <li>- Điều 40. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp</li> <li>- Điều 42. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp..</li> <li>- Điều 43. Thời hạn giữ chức vụ.</li> <li>- Điều 44. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm.</li> <li>- Điều 46. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý.</li> <li>- Điều 47. Bổ nhiệm trong trường hợp khác.</li> <li>- Khoản 5 Điều 48. Hồ sơ bổ nhiệm.</li> <li>- Khoản 1, khoản 2. Điều 48. Thời điểm, thời hạn và nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý.</li> <li>- Khoản 2, khoản 4 Điều 51. Thủ tục bổ nhiệm lại.</li> <li>- Điểm d khoản 2 Điều 53. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu.</li> </ul>		
--	--	---	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 54. Thôi giữ chức vụ đối với viên chức</li> <li>- Điều 55. Miễn nhiệm đối với viên chức quản lý .</li> <li>- Điều 56. Chế độ, chính sách đối với viên chức thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.</li> <li>- Điểm b khoản 2 Điều 57. Giải quyết thôi việc đối với viên chức</li> <li>- Khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.</li> <li>- Khoản 1, khoản 4 Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</li> <li>- Điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập</li> <li>- Thay thế cụm từ “phòng vấn” bằng “vấn đáp” tại điểm c khoản 3 Điều 15;</li> <li>- Bãi bỏ: Khoản 3, khoản 4 Điều 37; khoản 6 Điều 62; khoản 4 Điều 63 và khoản 4 Điều 64;</li> <li>- Bãi bỏ cụm từ: “thi hoặc”, “dự thi hoặc” tại khoản 2 Điều 29, Điều 31, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, khoản 3 Điều 62, khoản 2 Điều 67; “và xếp lương đối với các chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ” tại khoản 3 Điều 64; “theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này” tại khoản 4 Điều 14.</li> </ul>		
29	Thông tư	03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐT BXH ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Bộ trí cán bộ, công chức cấp xã</li> <li>- Điểm a, khoản 2 Điều 2. Xếp lương đối với cán bộ cấp xã</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Thông tư số	25/12/2019

		27/5/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1, 2, 3 Điều 3. Xếp lương đối với công chức cấp xã</li> <li>- Khoản 3, khoản 4 Điều 6. Phụ cấp lương</li> <li>- Điều 9. Những người hoạt động không chuyên trách</li> </ul>	13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố,	
30	Thông tư	09/2014/TT-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 Điều 1: Quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ</li> <li>- Điểm a khoản 2 Điều 4: Bản sao có chứng thực Bằng tốt nghiệp chuyên ngành và Chứng chỉ bồi dưỡng phù hợp với lĩnh vực hành nghề (nếu có).</li> <li>- Khoản 2 Điều 6: Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ lưu trữ</li> <li>- Điều 7. Hồ sơ đăng ký hoạt động dịch vụ lưu trữ</li> <li>- Điều 8. Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ lưu trữ.</li> <li>- Khoản 2 Điều 11. Sở Nội vụ có trách nhiệm</li> </ul>	Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ được quy định tại Điều 1, Điều 2 Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 14/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ.	01/9/2020
31	Thông tư	03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;</li> <li>- Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Nội quy kỳ tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức</li> </ul>	Nội dung bãi bỏ được quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 06/TT-BNV ngày 02/12/2020 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.	20/01/2021



		một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập			
32	Thông tư	05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BNV) và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV	Được bãi bỏ tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư	01/8/2021

		<p>tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 13/2010/TT-BNV) liên quan đến quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi năng ngạch công chức</p>			
33	Thông tư	<p>08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng</li> <li>- Điều 2. Chế độ nâng bậc lương thường xuyên</li> <li>- Điều 3. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn</li> <li>- Điều 4. Tổ chức thực hiện</li> </ul>	<p>Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên</p>	15/8/2021

		trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động		vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	
34	Thông tư	04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:</li> <li>2. Mức phụ cấp và cách chi trả</li> </ol>	Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	15/8/2021
35	Thông tư	14/2019/TT-BNV ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 6. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện xét tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Điều 10. Những trường hợp được ưu tiên xét tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Điều 11. Trình tự xét tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Điều 13. Tổ chức trao tặng Kỷ niệm chương</li> <li>- Thay thế phụ lục số III, IV, V ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BNV</li> </ul>	Được bãi bỏ tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư 08/2022/TT-BNV ngày 19/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2019/TT-BNV ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định tặng Kỷ niệm chương về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nội vụ	01/12/2022
36	Thông tư	14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư	- Khoản 7 Điều 1 bổ sung Điều 8 a sau Điều 8. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố	Khoản này được bãi bỏ tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 05/2022/TT-BNV ngày 23/5/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31	23/5/2022

		số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.		tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.	
37	Thông tư	02/2020/TT-BNV ngày 14/ 7/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ	- Khoản 3 Điều 1. Hồ sơ đăng ký hoạt động dịch vụ lưu trữ	Nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 01/2023/TT-BNV ngày 09/3/2023 sửa đổi khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2020/TT-BNV ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2014/TT-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về quản lý Chứng chỉ hành nghề lưu trữ và hoạt động dịch vụ lưu trữ	24/4/2023

Tổng số: 37 văn bản

## II. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có